

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHÚ THỌ
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 15-10-2019

“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ THỌ - TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lưu Thị Thúy Nga

2. Ông Vi Văn Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Thị Hoàng Quyên - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 10 năm 2019, tại Trụ sở Toà án nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 103/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21a/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn Lẻ, thị trấn L, huyện C, tỉnh H. Có mặt.

Bị đơn: Anh Chu Quang U, sinh năm 1989

Địa chỉ: Khu 1, phường T, thị xã P, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những lời trình bày tiếp theo tại Toà án, chị Nguyễn Thị M trình bày: Chị và anh Chu Quang U đăng ký kết hôn ngày 18/9/2009 tại UBND phường T, thị xã P, tỉnh Phú Thọ trên cơ sở tự nguyện và hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc và sinh sống tại thôn Lẻ, thị trấn L, huyện C, tỉnh H. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, lối sống không hợp nhau. Đến đầu năm 2013 mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng. Từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin được ly hôn anh U.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Chu Thị Hải Y, sinh ngày 10/4/2010. Hiện cháu Y đang ở với chị M, ly hôn chị M xin được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu anh U cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Điều không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đồng thời, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần yêu cầu anh Chu Quang U có mặt tại Trụ sở Tòa án để giải quyết việc chị M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, con chung nhưng anh U đều vắng mặt không rõ lý do mặc dù đã được tổng đạt giấy triệu tập và các thông báo hợp lệ. Qua đó, chứng tỏ rằng anh U cố tình lẩn tránh, không hợp tác với Tòa án nên không có bản tự khai và Tòa án không tiến hành hòa giải theo quy định của pháp luật được.

*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Thọ có quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Vụ án được thụ lý đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điều 51, điều 56, điều 81, điều 82 và điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị M và đề nghị Hội đồng xét xử: Xử cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn anh Chu Quang U.

- Về con chung: Xử giao cho chị Nguyễn Thị M trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Chu Thị Hải Y, sinh ngày 10/4/2010 cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động. Anh U không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị M. Anh U có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, công nợ, công sức: Điều không có không đề nghị giải quyết nên cần chấp nhận.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp ly hôn, con chung giữa chị Nguyễn Thị M và anh Chu Quang U là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Anh Chu Quang U có nơi cư trú tại khu 1, phường T, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phú Thọ theo quy định tại khoản 1 điều 28, khoản 1 điều 35 và khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố

tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng anh U cố tình lẩn tránh, từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình. Do đó, anh U không có bản tự khai và Tòa án không tiến hành hòa giải được. Phiên tòa ngày 26/9/2019, bị đơn anh Chu Quang U đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, anh Chu Quang U đã được tổng đạt hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là anh Chu Quang U.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M và anh Chu Quang U tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, tỉnh Phú Thọ vào ngày 18/9/2009 đó là cuộc hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, lối sống không hợp nhau. Từ đầu năm 2013 đến nay vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay tình cảm vợ chồng không còn, chị M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh U. Hội đồng xét xử nhận thấy, chị M và anh U đã ly thân, chấm dứt quan hệ, không quan tâm đến nhau. Qua biên bản xác minh và ý kiến của chính quyền địa phương phường T nơi anh U có hộ khẩu thường trú cho rằng vợ chồng chị M anh U đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị M anh U đi làm ăn xa không thường xuyên sinh sống ở địa phương nên nguyên nhân mâu thuẫn như thế nào địa phương cũng không biết. Đặc biệt, quá trình làm việc mặc dù anh U được Tòa án và địa phương triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt, qua đó khẳng định anh U không thiết tha để hàn gắn tình cảm do đó việc chị M xin ly hôn anh U là có căn cứ và phù hợp quy định tại khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Chu Thị Hải Y, sinh ngày 10/4/2010. Hiện nay cháu Y đang ở với chị M. Anh U vắng mặt tại Tòa án nên không có quan điểm về con chung. Mặt khác con chung còn nhỏ, lại đang ở với chị M, để không làm sáo trộn cuộc sống của con chung cũng như tạo điều kiện để các đương sự có điều kiện nuôi dạy con chung phát triển toàn diện và qua ý kiến của chính quyền địa phương cần giữ nguyên việc nuôi con như hiện nay là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Về việc cấp dưỡng nuôi con chung, chị M không đề nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét. Vì vậy, cần xử giao cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng cháu Yến cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động. Anh U không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung, công nợ, công sức: Chị M trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nhưng quá trình giải quyết vụ án, anh U vắng mặt nên không có bản tự khai do vậy không biết các quan hệ trên có hay không. Do đó, các quan hệ này cần được tách ra khi nào anh U có yêu cầu thì Tòa án xem xét giải quyết bằng một vụ án khác.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 điều 56, điều 81, điều 82 và điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Xử: Cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn anh Chu Quang U.

2. *Về con chung:* Giao cho chị Nguyễn Thị M trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Chu Thị Hải Y, sinh ngày 10/4/2010 cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động. Anh U không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị M.

Anh Chu Quang U có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002229 ngày 11/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phú Thọ. Chị Nguyễn Thị M đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị M có mặt có quyền kháng cáo, anh U vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày giao hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã, tỉnh;
- Đường sự;
- Chi cục THADS thị xã;
- UBND phường T, thị xã Phú Thọ;
- Lưu HS (2bản);
- Lưu VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Ngọc Thuý

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Thúy